TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2026.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thập và bà Nguyễn Thị Lan.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 175/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST - HNGĐ ngày 10/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tăng Hữu A, sinh ngày 03/4/1994, ĐKHKTT và cư trú: Số nhà B L, Khu B, xã G, thành phố Hải Phòng. CCCD 030094007269.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh ngày 13/11/1997; ĐKHKTT: Khu B, xã G, thành phố Hải Phòng. Hiện cư trú tại: Đài Loan. Số CCCD: 030197004324.

- Người làm chứng: Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1977, địa chỉ: TDP L, phường T, thành phố Hải Phòng

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Tăng Hữu A, chị Hoàng Thị D, bà Phạm Thị D1).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, anh Tăng Hữu A trình bầy: Anh và chị Hoàng Thị D, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng) ngày 01/9/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau. Đến cuối năm 2024, chị D đi lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, thỉnh thoảng chị D có gọi điện qua điện thoại riêng của con. Anh nhiều lần đề nghị chị D ly hôn, chị D đồng ý nhưng không về và cũng không cung cấp địa chỉ chỗ ở cho anh, chị D thường xuyên liên hệ với bố mẹ đẻ là bà Phạm Thị D1, sinh năm 1977, địa chỉ: TDP L, phường T, thành phố Hải Phòng. Anh xác định không còn tình cảm với chị D, đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn chị D. Anh và chị D có một con chung là Tăng Hữu Tùng L, sinh ngày 10/3/2017, hiện nay đang ở với anh, anh đề nghị sau ly hôn được tiếp tục chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao (căn cước công dân Tăng Hữu A, Hoàng Thị D, giấy khai sinh con chung).

Tại các bản trình bày và lời khai bà Phạm Thị D1 xác nhận: chị Hoàng Thị D là con gái bà, anh Hữu A là con rể. Vợ chồng kết hôn và sống với nhau đến năm 2023 xảy ra cãi vã xô xát, bà nhiều lần khuyên bảo vợ chồng nhường nhịn nhau, bố mẹ đẻ anh Hữu A cũng nhiều lần can thiệp hoà giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện. Đầu năm 2024, chị D ra thuê trọ gần nhà anh Hữu A để sống riêng, đến cuối năm 2024 chị D đi lao động tại Đài Loan đến nay chưa về. Chị D thường xuyên gọi điện về cho bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị D ở Đài Loan, bà hỏi nhiều lần nhưng chị D không nói cho bà biết. Bà xác nhận chị D đã nhận được các văn bản tố tụng của toà án do bà gửi qua zalo gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà và Giấy triệu tập chị D nhưng chị D không về tham gia tố tụng được và xin xét xử vắng mặt. Chị D có quan điểm: đồng ý ly hôn anh Tăng Hữu A và đồng ý để anh Hữu A tiếp tục nuôi con chung sau ly hôn, anh Hữu A không yêu cầu cấp dưỡng chị cũng đồng ý, chị và anh Hữu A không có tài sản chung, không có nợ chung và không có công sức đối với gia đình hai bên.

Tại văn bản số 2843/XNC-Đ1 ngày 21/4/2026, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố H trao đổi thông tin: Chị Hoàng Thị D, sinh ngày 13/11/1997; căn cước công dân số 030197004324; nơi thường trú khu B, xã G, thành phố Hải Phòng xuất cảnh gần nhất ngày 07/01/2024 bằng hộ chiếu số P01960166 qua cửa khẩu N1, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại bản ý kiến trình bày của cháu Tăng Hữu Tùng L (có sự chứng kiến của anh Hữu A), cháu L có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố.

Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 25/52026 anh Hữu A và chị D đều vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người làm chứng có ý kiến xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tăng Hữu A.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tăng Hữu A được ly hôn chị Hoàng Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Tăng Hữu Tùng L, sinh ngày 10/3/2017 cho anh Hữu A nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Lâm thành N. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hữu A không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về án phí: anh Hữu A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Tăng Hữu A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng giải quyết ly hôn chị Hoàng Thị D có đăng ký hộ khẩu tại xã G, thành phố Hải Phòng nhưng đang lao động tại Đài Loan, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 38; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 , thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

Người tham gia tố tụng: bị đơn (chị D) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt; nguyên đơn (anh Hữu A) có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về nội dung**:

Quan hệ hôn nhân: Anh Tăng Hữu A và chị Hoàng Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng) vào ngày 01/9/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Hữu A và chị D chỉ hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù chung sống một nhà nhưng vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Đầu năm 2024, chị D đi lao động tại Đài Loan từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, anh nhiều lần đề nghị chị D làm thủ tục ly hôn, chị D đồng ý nhưng không về và cũng không cung cấp địa chỉ cho anh, điều đó thể hiện anh chị đều không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Nay anh Hữu A xin ly hôn, chị D đồng ý; Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của anh Hữu A và chị D không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của anh Hữu A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: Anh Hữu A và chị D có một con chung là Tăng Hữu Tùng L, sinh ngày 10/3/2017; anh Hữu A đề nghị sau ly hôn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con; chị D đồng ý. Xét thấy sự thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh chị đã rõ ràng, đảm bảo về mọi mặt cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu L; phù hợp với quy định tại

Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Hữu A và chị D đều xác không có, Hội đồng xét xử không phải giải quyết;

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (anh Hữu A) được chấp nhận, anh Hữu A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 5 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tăng Hữu A;

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Tăng Hữu A được ly hôn chị Hoàng Thị D.

2. Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, giao con chung Tăng Hữu Tùng L, sinh ngày 10/3/2017 cho anh Tăng Hữu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc khi anh Hữu A và chị D có thoả thuận, yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tăng Hữu A không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Hữu A.

3. Về án phí: Anh Tăng Hữu A phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà Anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/26E số 0003460 ngày 01/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng. Anh Hữu A đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hữu A1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị D cư trú nước ngoài không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Đương sự;
-UBND xã G ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu vụ án;

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm Phán – Chủ toà phiên toà

Đoàn Thị Thúy